

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Tân và bà Hoàng Thị Tường Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Hoàng H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 02 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Phan Hoàng H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10-9-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh H tại thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau; có lúc anh Phan Hoàng H đánh đập Chị; mặc dù đã được gia đình góp ý nhưng anh H không thay đổi; chị N đã bỏ về sống với bố mẹ đẻ từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm, thăm hỏi ai. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Hòa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Phan Hoàng T, sinh ngày 12-7-2012 và Phan Hoàng T1, sinh ngày 31-10-2013, hiện cháu T đang sống cùng Chị, cháu T1 đang sống với anh H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Chị xin được nuôi cháu Phan Hoàng T, giao cháu Phan Hoàng T1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 04 tháng 5 năm 2022, chị Trần Thị Hồng N đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành điều tra, xác minh lý do vắng mặt của anh Phan Hoàng H. Ngày 19 tháng 5 năm 2022, Tòa án đã trực tiếp gặp anh Phan Hoàng H nhưng anh H không hợp tác làm việc mà bỏ đi khỏi nhà; Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Võ Thị T là mẹ đẻ của anh Phan Hoàng H, bà T cho biết: Anh Phan Hoàng H và chị Trần Thị Hồng N tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng vợ chồng Bà tại thôn V, xã X cho đến nay, vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do N bỏ đi không có trách nhiệm với chồng con, H và N sống ly thân được 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, N xin ly hôn quyền N quyết định.

Vợ chồng H và N có 02 đứa con chung tên là Phan Hoàng T, sinh ngày 12-7-2012 và Phan Hoàng T1, sinh ngày 31-10-2013, hiện cháu T đang sống cùng Chị, cháu T1 đang sống với anh H. Việc giải quyết nuôi con tùy Tòa án quyết định. Phan Hoàng H thường xuyên có mặt tại nhà, thỉnh thoảng phụ làm nhôm kính. Sau khi đọc lại nội dung lấy lời khai, bà T không ký vào biên bản.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 35, 39, 48, 49, 63, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N, xử cho chị N được ly hôn anh Phan Hoàng H. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Phan Hoàng T, sinh ngày 12-7-2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Phan Hoàng T1, sinh ngày 31-10-2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Hoàng H có địa chỉ thôn V, xã X, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Hoàng H được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, chị Trần Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Hoàng H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc; chị N và anh H sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã trực tiếp đến gặp anh H nhưng anh H từ chối không hợp tác làm việc, điều đó chứng tỏ anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Hoàng H có hai con chung là Phan Hoàng T, sinh ngày 12-7-2012 và Phan Hoàng T1, sinh ngày 31-10-2013, hiện cháu T đang sống cùng chị N, cháu T1 đang sống với anh H. Chị N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng T, giao cháu Phan Hoàng T1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này, anh H có tranh chấp về tài sản thì giải quyết vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Hoàng H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Phan Hoàng T, sinh ngày 12-7-2012 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Phan Hoàng T1, sinh ngày 31-10-2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị N phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Ngọc đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003843, ngày 25 tháng 3 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng N và anh Phan Hoàng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã X;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA